CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0106121967, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE, L=Hà Đông, S=Hà Nội, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-08-08 09:49:17

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Tháng 08 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5-6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	7-8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Top One (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt là: TOP ONE.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 là 253.500.000.000 VND (Hai trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ ngày 09 tháng 07 năm 2015 với mã giao dịch TOP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tham gia quản lý và điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng Quản trị			
Ông Định Văn Tạo	Chủ tịch Hội đồng quản trị		27/04/2019
Ông Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch Hội đồng quản trị	27/04/2019	
Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên		
Ông Phạm Xuân Thủy	Thành viên		27/04/2019
Bà Mai Thị Tươi	Thành viên		27/04/2019
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên		27/04/2019
Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Giám đốc		
Ông Vũ Hồng Quang	Phó Giám đốc		
Bà Vũ Thị Lan Hương	Phó Giám đốc		
Ban Kiểm soát			
Ông Vũ Văn Hưng	Trưởng Ban kiểm soát		
Ông Phạm Cao Cường	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên		
Kế toán Công ty			
Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Kế toán trưởng		

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,

M.S.D.N:0106121967-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
H. NGHĨA HƯNG - T. NAM ĐỊNH

Nguyễn Hữu Khá
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nam Định, ngày 05 tháng 08 năm 2019

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
T +84 (24) 3 783 2121
F +84 (24) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số: 626/2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
của Công ty Cổ phần Phân phối Top One

Kính gửi: **Các Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân phối Top One

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Top One, được lập ngày 05 tháng 08 năm 2018, từ trang 07 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 27/04/2019 và Nghị Quyết số 2603/NQ-HDQT ngày 26/03/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà. Trong kỳ Công ty thực hiện mua 1.520.000 cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần. Tổng số tiền đã thanh toán cho khoản đầu tư này là 243.200.000.000 đồng. Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên tại ngày 30/06/2019. Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà là công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Hiện nay, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư vào công ty chưa niêm yết.

Do những hạn chế về thông tin thu thập được và bằng các thủ tục kiểm toán thông thường đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được tính hợp lý cũng như xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các giao dịch và số dư của khoản đầu tư trên, cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Kết luận ngoại trừ

Ngoại trừ các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ mà chúng tôi có thể nhận thấy nếu tình huống nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ" không xảy ra, căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét và Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, Báo cáo soát xét số 268/BCKT-TC phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2018 đưa ra kết luận ngoại trừ và Báo cáo kiểm toán độc lập số 207/BCKT-TC phát hành ngày 01 tháng 04 năm 2019 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2019

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

		MS	TM	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**15.176.238.902**	**213.524.361.756**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**1.414.559.369**	**15.431.408.150**
1.	Tiền	111		1.414.559.369	15.431.408.150
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**2.257.966.452**	**182.665.951.968**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.170.266.167	11.742.253.942
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	-	141.827.408.700
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	19.000.000.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	87.700.285	10.096.289.326
III.	**Hàng tồn kho**	**140**		**11.402.207.199**	**15.328.552.600**
1.	Hàng tồn kho	141	5.5	11.402.207.199	15.328.552.600
IV.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**101.505.882**	**98.449.038**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	85.127.073	51.617.120
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.882.090	46.831.918
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.7	5.496.719	-
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**245.939.384.468**	**52.345.352.409**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**49.480.000.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	5.4	-	49.480.000.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**2.572.910.129**	**2.704.015.859**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.055.013.887	1.155.354.797
-	*Nguyên giá*	*222*		*1.539.545.455*	*1.539.545.455*
-	*Giá trị hao mòn luỹ kế*	*223*		*(484.531.568)*	*(384.190.658)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.517.896.242	1.548.661.062
-	*Nguyên giá*	*228*		*1.661.300.000*	*1.661.300.000*
-	*Giá trị hao mòn luỹ kế*	*229*		*(143.403.758)*	*(112.638.938)*
III.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**243.200.000.000**	**-**
1.	Đầu tư vào công ty con	251	5.10	243.200.000.000	-
IV.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**166.474.339**	**161.336.550**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	166.474.339	161.336.550
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		**270**		**261.115.623.370**	**265.869.714.165**

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

		MS	TM	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**9.640.996.368**	**11.087.890.131**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**9.640.996.368**	**11.087.890.131**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	1.913.688.701	4.491.690.912
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	1.500.000.000	250.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	21.060.000	26.675.552
4.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	6.206.247.667	6.319.523.667
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**251.474.627.002**	**254.781.824.034**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.14**	**251.474.627.002**	**254.781.824.034**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		253.500.000.000	253.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*253.500.000.000*	*253.500.000.000*
2.	Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối	421		(2.025.372.998)	1.281.824.034
	- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*1.281.824.034*	*997.386.419*
	- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*(3.307.197.032)*	*284.437.615*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**261.115.623.370**	**265.869.714.165**

Nam Định, ngày 05 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Vũ Thị Hải Yến	Nguyễn Thị Kim Thành	Nguyễn Hữu Khá

M.S.D.N: 0106121967 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE - H. NGHĨA HƯNG - T. NAM ĐỊNH

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	11.463.494.655	36.891.201.433
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.463.494.655	36.891.201.433
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.02	13.393.207.024	35.862.808.539
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**(1.929.712.369)**	**1.028.392.894**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	253.276.483	155.376
7.	Chi phí tài chính	22	6.04	26.250.000	13.972.603
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*26.250.000*	*13.972.603*
8.	Chi phí bán hàng	25	6.05	537.032.500	237.228.000
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	1.054.580.029	664.431.722
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**(3.294.298.415)**	**112.915.945**
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32		535.496	510.000
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(535.496)**	**(510.000)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**(3.294.833.911)**	**112.405.945**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.07	12.363.121	22.583.189
16.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**(3.307.197.032)**	**89.822.756**

Nam Định, ngày 05 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Vũ Thị Hải Yến	Nguyễn Thị Kim Thành	Nguyễn Hữu Khá

M.S.D.N: 0106121967 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
H. NGHĨA HƯNG - T. NAM ĐỊNH

Mẫu B 03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	**01**		**(3.294.833.911)**	**112.405.945**
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***				
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		131.105.730	127.114.568
	- Các khoản dự phòng	03		-	-
	- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
	- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(734.483)	(155.376)
	- Chi phí lãi vay	06		26.250.000	13.972.603
	- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động***	***08***		***(3.138.212.664)***	***253.337.740***
	- Tăng các khoản phải thu	09		146.238.438.625	13.984.056.222
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.926.345.401	450.452.967
	- Tăng các khoản phải trả	11		(1.427.561.492)	(6.416.070.179)
	- Tăng chi phí trả trước	12		(38.647.742)	(184.901.087)
	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(26.250.000)	(107.005.843)
	- Thuế TNDN đã nộp	15		(31.695.392)	-
	- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***145.502.416.736***	***7.979.869.820***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(39.545.455)
2.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		19.000.000.000	-
3.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25		(228.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26		49.480.000.000	-
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		734.483	155.376
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(159.519.265.517)***	***(39.390.079)***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ đi vay	33		3.000.000.000	1.500.000.000
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.000.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	***1.500.000.000***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(14.016.848.781)**	**9.440.479.741**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**15.431.408.150**	**1.259.099.596**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**1.414.559.369**	**10.699.579.337**

Nam Định, ngày 05 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Vũ Thị Hải Yến	Nguyễn Thị Kim Thành	Nguyễn Hữu Khá

M.S.D.N: 0106121967 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE H. NGHĨA HƯNG T. NAM ĐỊNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **Mẫu B09a-DN**

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY;
Tên viết tắt là: TOP ONE.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 là 253.500.000.000 VND (Hai trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ ngày 09 tháng 07 năm 2015 với mã giao dịch TOP.

Điện thoại:	04.6292 8994
Fax:	04.6282 8818
E-mail:	topone2307@gmail.com
Website:	http://toponejsc.com

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính: Kinh doanh thương mại; Bán buôn tổng hợp.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Ngoài ra Công ty còn định kỳ lập báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính giữa niên độ.
Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán về Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hào mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Tài sản cố định hữu hình	**Thời gian khấu hao (năm)**
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	1.408.663.046	554.568.507
Tiền gửi ngân hàng	5.896.323	14.876.839.643
Ngân hàng TMCP Bảo Việt- CN Hà Nội	-	*12.863.012*
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Thanh Xuân	*169.101*	*145.204*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Tây Hồ	*1.428.065*	*2.356.241*
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam-CN Thanh Xuân	*1.953.765*	*1.690.250*
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam-CN Hà Thành	-	*794.818*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Thanh Xuân	*1.012.122*	*7.828.929.032*
Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Thanh Xuân	*1.320.728*	*1.637.457*
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín-CN Định Công	-	*1.003.448*
Ngân hàng TMCP Tiên Phong-CN Thăng Long	*12.542*	*7.027.420.181*
Cộng	**1.414.559.369**	**15.431.408.150**

5.02 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Ăn uống và Thương mại Bách Diệp	167.560.250	-
Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Đức Bảo	1.702.623.076	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nhà hàng Hải Linh	-	704.025.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Mê Kông Miền Bắc	-	2.685.143.868
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Đất vàng Việt Nam	-	2.685.364.572
Công ty Cổ phần Dịch vụ Top One	-	5.117.712.461
Phải thu khách hàng khác	300.082.841	550.007.841
Cộng	**2.170.266.167**	**11.742.253.942**

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.03 Trả trước người bán ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Kiểm toán ASC	-	35.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị	-	7.700
Công ty cổ phần Đông dược Cao Bằng	-	2.573.569.000
Ông Đinh Văn Tạo	-	10.000.000.000
Bà Mạc Thị Hoa	-	7.000.000.000
Ông Nguyễn Tiến Thành	-	29.964.832.000
Ông Nguyễn Hữu Khá	-	15.200.000.000
Ông Triệu Tiến Duẩn	-	20.000.000.000
Ông Vũ Minh Chính	-	57.054.000.000
Cộng	**-**	**141.827.408.700**

5.04 Phải thu khác

Đơn vị: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**87.700.285**	**-**	**10.096.289.326**	**-**
- Tạm ứng	-	-	10.000.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược	87.700.285	-	87.700.285	-
- Công ty Cp Tư vấ xây dựng VFCC	-	-	8.589.041	-
Dài hạn	**-**	**-**	**49.480.000.000**	**-**
- Công ty TNHH MTV Khách sạn và du lịch Nghệ Tĩnh (*)	-	-	49.480.000.000	-
Tổng	**87.700.285**	**-**	**59.576.289.326**	**-**

(*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/HTKD/TOP-DLHT ngày 28/12/2018, hợp tác xây dựng và kinh doanh dự án "Khách sạn và trung tâm thương mại VFCC" tại phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 28/12/2018 đến ngày 31/12/2065. Công ty Cổ phần Phân phối Top One sẽ góp 79.161.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 04/04/2019, hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng số TL01/2018/HĐKD/TOP-DLHT, Công ty Cổ phần Phân phối Top One thu hồi lại phần vốn góp hợp tác kinh doanh do thay đổi kế hoạch kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.05 Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	11.402.207.199	-	15.328.552.600	-
Cộng	**11.402.207.199**	**-**	**15.328.552.600**	**-**

5.06 Chi phí trả trước

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	**85.127.073**	**51.617.120**
Công cụ dụng cụ	-	2.405.301
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	85.127.073	49.211.819
Chi phí trả trước dài hạn	**166.474.339**	**161.336.550**
Công cụ dụng cụ	166.474.339	161.336.550
Cộng	**251.601.412**	**212.953.670**

5.07 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà Nước

Đơn vị: VND

	01/01/2019		Phát sinh trong kỳ		30/06/2019	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.835.552	-	12.363.121	31.695.392	-	5.496.719
Thuế thu nhập cá nhân	12.840.000	-	56.647.500	48.427.500	21.060.000	
Phí lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	-	3.535.496	3.535.496	-	-
Cộng	**26.675.552**	**-**	**72.546.117**	**83.658.388**	**21.060.000**	**5.496.719**

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.08 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị : VND

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2019	**1.500.000.000**	**39.545.455**	**1.539.545.455**
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	**1.500.000.000**	**39.545.455**	**1.539.545.455**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2019	**375.000.000**	**9.190.658**	**384.190.658**
Tăng trong kỳ	**93.750.000**	**6.590.910**	**100.340.910**
Khấu hao trong kỳ	93.750.000	6.590.910	100.340.910
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	**468.750.000**	**15.781.568**	**484.531.568**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2019	**1.125.000.000**	**30.354.797**	**1.155.354.797**
Tại ngày 30/06/2019	**1.031.250.000**	**23.763.887**	**1.055.013.887**

5.09 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	**1.661.300.000**	**1.661.300.000**
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	**1.661.300.000**	**1.661.300.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	**112.638.938**	**112.638.938**
Tăng trong kỳ	**30.764.820**	**30.764.820**
Khấu hao trong kỳ	30.764.820	30.764.820
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	**143.403.758**	**143.403.758**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2019	**1.548.661.062**	**1.548.661.062**
Số dư tại ngày 30/06/2019	**1.517.896.242**	**1.517.896.242**

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.10 Đầu tư vào công ty con

Đơn vị: VNI

	Tỷ lệ		30/06/2019			01/01/2019		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòn
Công ty CP Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà (*)	95%	95%	243.200.000.000	-	-	-	-	
Cộng	**95%**	**95%**	**243.200.000.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	

(*) Ngày 28/06/2019, Công ty nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà theo hợp đồng số CNCPTOP NHK/01/2019 ngày 26/03/2019. Theo đó Công ty chiếm 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà. Hoạt động chính củ Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà là bán buôn tổng hợp; bán buôn đồ uống; bán buôn thực phẩm; bán buôn máy móc, thiết bị và ph tùng máy khác.

Công ty Cổ phần chế biến Rau củ quả và Thảo dược Nam Hà là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần s 5300728430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 09 tháng 05 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 07 năm 2019 (Đổi tê từ Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Du lịch Sa Pa). Tại ngày 30/06/2019 theo báo cáo tài chính đã kiểm toán, Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thả dược Nam Hà hoạt động có lãi trong kỳ, do đó Công ty chưa cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơ vị khác tại ngày 30/06/2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, do Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà chưa được niêm yết trên thị trườn chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của khoả đầu tư trên tại ngày 30/06/2019.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Gia Nguyễn Hà Nội	-	-	3.180.148.910	3.180.148.910
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	1.913.688.701	1.913.688.701	1.309.542.002	1.309.542.002
Công ty CP Đông Dược Ninh Bình	-	-	2.000.000	2.000.000
Cộng	**1.913.688.701**	**1.913.688.701**	**4.491.690.912**	**4.491.690.912**

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Dịch Vụ Minh Hải	1.500.000.000	-
Công ty CP Hoa Đạm	-	250.000.000
Cộng	**1.500.000.000**	**250.000.000**

5.13 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Kinh phí công đoàn	3.790.667	1.898.667
Bảo hiểm xã hội	3.850.500	-
Bảo hiểm y tế	679.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	302.000	-
Phải trả cổ tức	6.197.625.000	6.317.625.000
Cộng	**6.206.247.667**	**6.319.523.667**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) **Mẫu B09a-DN**

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2018	**253.500.000.000**	**997.386.409**	**254.497.386.409**
Tăng trong kỳ	**-**	**89.822.756**	**89.822.756**
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	89.822.756	89.822.756
Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**-**
Số dư tại 30/06/2018	**253.500.000.000**	**1.087.209.165**	**254.587.209.165**
Số dư 01/01/2019	**253.500.000.000**	**1.281.824.034**	**254.781.824.034**
Tăng trong kỳ	**-**	**(3.307.197.032)**	**(3.307.197.032)**
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	(3.307.197.032)	(3.307.197.032)
Giảm trong kỳ	**-**	**-**	**-**
Số dư tại 30/06/2019	**253.500.000.000**	**(2.025.372.998)**	**251.474.627.002**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/06/2019		01/01/2019	
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ
Vốn góp của các cổ đông	253.500.000.000	100%	253.500.000.000	100%
Cộng	**253.500.000.000**	**100%**	**253.500.000.000**	**100%**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**253.500.000.000**	**253.500.000.000**
Vốn góp tại đầu kỳ	253.500.000.000	253.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	253.500.000.000	253.500.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) **Mẫu B09a-DN**

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**25.350.000**	**25.350.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**25.350.000**	**25.350.000**
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**25.350.000**	**25.350.000**
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa	11.463.494.655	36.891.201.433
Cộng	**11.463.494.655**	**36.891.201.433**

6.02 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Giá vốn hàng bán	13.393.207.024	35.862.808.539
Cộng	**13.393.207.024**	**35.862.808.539**

6.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi	734.483	155.376
Doanh thu hoạt động tài chính khác	252.542.000	-
Cộng	**253.276.483**	**155.376**

6.04 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí lãi tiền vay	26.250.000	13.972.603
Cộng	**26.250.000**	**13.972.603**

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.05 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên	536.132.500	237.228.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	900.000	-
Cộng	**537.032.500**	**237.228.000**

6.06 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	253.500.000	242.511.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	168.489.895	143.702.234
Chi phí khấu hao TSCĐ	131.105.730	127.114.568
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.978.314	16.948.272
Chi phí khác bằng tiền	163.506.090	131.155.648
Cộng	**1.054.580.029**	**664.431.722**

6.07 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(3.294.833.911)**	**112.405.945**
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	61.815.605	510.000
Tổng thu nhập chịu thuế	**(3.233.018.306)**	**112.915.945**
Thuế TNDN phải nộp	**12.363.121**	**22.583.189**
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	*12.363.121*	*22.583.189*
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**12.363.121**	**22.583.189**

7. THÔNG TIN KHÁC

7.01 Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.414.559.369	15.431.408.150
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.257.966.452	71.318.543.268
Đầu tư dài hạn	243.200.000.000	-
Cộng	**246.872.525.821**	**86.749.951.418**
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	8.119.936.368	10.811.214.579
Chi phí phải trả	-	-
Cộng	**8.119.936.368**	**10.811.214.579**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa nguyên liệu đầu vào, tỷ giá hối đoái, lãi suất và các chủ chương chính sách của Nhà Nước.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Khách hàng Công ty là đối tác trong nước, do đó Công ty sẽ ít gặp phải rủi ro đáng kể khi tỷ giá có sự biến động.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không có khoản vay ngắn hạn và dài hạn. Do đó Công ty gặp ít rủi ro về lãi suất khi có sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	30/06/2019		
Tài sản tài chính	**Dưới 1 năm VND**	**Trên 1 năm VND**	**Cộng VND**
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.414.559.369	-	1.414.559.369
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.257.966.452	-	2.257.966.452
Đầu tư dài hạn	-	243.200.000.000	243.200.000.000
			-
Cộng	**3.672.525.821**	**243.200.000.000**	**246.872.525.821**
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	8.119.936.368	-	8.119.936.368
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	**8.119.936.368**	**-**	**8.119.936.368**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(4.447.410.547)**	**243.200.000.000**	**238.752.589.453**

7.02 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Công ty CP Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà	Công ty con
Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc	Bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND**
Mua cổ phần		
Ông Nguyễn Hữu Khá	243.200.000.000	-
Thu tiền cho vay		
Ông Đinh Văn Tạo	19.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) **Mẫu B09a-DN**

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Cho vay		
Ông Đinh Văn Tạo	-	19.000.000.000
Trả trước người bán		
Ông Đinh Văn Tạo	-	10.000.000.000
Ông Nguyễn Hữu Khá	-	15.200.000.000

Thu nhập HĐQT và Ban Giám đốc và các khoản phúc lợi khác

	Cho kỳ kế toán 06 kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 06 kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Tổng thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	108.360.000	103.296.000

7.03 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét và Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, Báo cáo soát xét số 268/BCKT-TC phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2018 đưa ra kết luận ngoại trừ và Báo cáo kiểm toán độc lập số 207/BCKT-TC phát hành ngày 01 tháng 04 năm 2019 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Nam Định, ngày 05 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Vũ Thị Hải Yến	Nguyễn Thị Kim Thành	Nguyễn Hữu Khá